CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 112/EB/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028.39958368 Fax: 028.39958423

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **THANH CUA SỢI - MPX**
2. Thành phần: Thịt cá (38%), nước, tinh bột, sữa tách béo hoàn nguyên, dầu hạt cải, đường, muối, hương liệu tự nhiên, protein sữa, phẩm màu tự nhiên (160c(i)).
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 42 ngày kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
   - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 200 g hoặc khối lượng khác theo nhu cầu khách hàng.
   - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trong khay nhựa và ghép mí kín bằng màng nhựa PE/PET.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (sản phẩm nhập khẩu): FLEURY MICHON - Traiteur De La Mer, Zi Polaris, Chantonnay 85110, France (Pháp).

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa và 111/2021/NĐ-CP Nghị định về Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. **Chỉ tiêu kim loại nặng**: theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	0,05
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,3
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,5
4	Methyl thuỷ ngân (MeHg)	mg/kg	0,5

2. **Chỉ tiêu vi sinh vật**: theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^5
2	*Coliforms*	CFU/g	10
3	*E. coli*	MPN/g	3
4	*Staphylococcus aureus*	CFU/g	10
5	*Clostridium perfringens*	CFU/g	10
6	*Salmonella*	/ 25 g	Không có
7	*Vibrio parahaemolyticus*	CFU/g	10
8	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	10

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

LÊ THỊ MINH TRANG

Giám Đốc Chất lượng và Vệ sinh ATTP Toàn Quốc

THÔNG TIN NHÃN PHỤ

THANH CUA SỢI – MPX

Thành phần: Thịt cá (38%), nước, tinh bột, sữa tách béo hoàn nguyên, dầu hạt cải, đường, muối, hương liệu tự nhiên, protein sữa, phẩm màu tự nhiên (160c(i)).

Thông tin dinh dưỡng: Thành phần dinh dưỡng trên 100 g: Giá trị năng lượng 118 kcal (6%); Chất đạm 7 g (10%); Carbohydrate 13 g (4%); Đường tổng số 2,8 g (6%); Chất béo 4,2 g (8%); Chất béo bão hòa 0,4 g (2%); Natri 668 mg (33%).

Khối lượng tịnh: 200 g

Dùng trực tiếp hoặc chế biến món ăn. Bảo quản lạnh ở nhiệt độ từ 0 °C đến 4 °C.

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:

Sản xuất bởi: FLEURY MICHON - Traiteur De La Mer, Zi Polaris, Chantonnay 85110, France (Pháp).

Nhập khẩu và phân phối bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB, 163 Phan Đăng Lưu, P. 1, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cảnh báo: Cân nhắc khi sử dụng nếu dị ứng với cá, gluten bột mì, sữa, động vật giáp xác, động vật thân mềm.

Số TCB: 112/EB/2023

Ngày 08 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ FB

LÊ THỊ MINH TRANG
Giám Đốc Chất Lượng
và Vệ Sinh ATTP Toàn Quốc

PÊCHE DURABLE

MONOPRIX

COUP DE FILET SUR LES PROTÉINES

RÂPÉ DE SURIMI DE CHAIR DE POISSON

Dos

PLUS D'INFOS ET DE PRODUITS SUR MONOPRIX.FR

INGRÉDIENTS

Chair de *poisson* 38% - eau - amidons (dont *blé*) - *lait* écrémé réhydraté - huile de colza - sucre - sel - arômes naturels (contient *crustacés, poisson, mollusques*) - protéines de *lait* - colorant : extrait de paprika.
Les informations en *gras* sont destinées aux personnes allergiques ou intolérantes.

CONDITIONS DE CONSERVATION

À consommer jusqu'au / N° de lot : voir ci-contre.
À conserver entre 0°C et +4°C.
À consommer rapidement après ouverture.

Ce produit provient d'une pêcherie qui a répondu au référentiel environnemental du MSC pour une pêche durable et bien gérée. www.msc.org/fr

POIDS NET :
200 g

FR 85.051.005 CE

INFORMATIONS NUTRITIONNELLES MOYENNES

	pour 1 portion de 50 g	pour 100 g
Energie	248 kJ 59 kcal	495 kJ 118 kcal
Matières grasses dont acides gras saturés	2,1 g 0,2 g	4,2 g 0,4 g
Glucides dont sucres	8,5 g 1,4 g	13 g 2,8 g
Fibres	0 g	0 g
Protéines	3,5 g	7,0 g
Sel	0,85 g	1,7 g

Ce sachet contient 4 portions

À consommer jusqu'au / N° de lot :

DLC

SERVICE CLIENTS MONOPRIX www.monoprix.fr
0 800 08 4000 Service & appel gratuits
Distribué par MONOPRIX EXPLOITATION 92110 Clichy Cedex

ID=C4 EMB 85051 A

3 350033 843905

487023

FR BAC DE TRI

TRANSLATION
BẢN DỊCH

	THANH CUA SỢI - MPX Với thịt cá tự nhiên ĐÁNH BẮT BỀN VỮNG MONOPRIX MẺ LƯỚI GIÀU PROTEIN Đánh bắt Bền vững MSC
PÊCHE DURABLE MONOPRIX COUP DE FILET SUR LES PROTÉINES RÂPÉ DE SURIMI DE CHAIR DE POISSON Dos INGRÉDIENTS Chair de *poisson* 38% - eau - amidons (dont *blé*) - *lait* écrémé réhydraté - huile de colza - sucre - sel - arômes naturels (contient *crustacés, poisson, mollusques*) - protéines de *lait* - colorant : extrait de paprika. Les informations en *gras* sont destinées aux personnes allergiques ou intolérantes. CONDITIONS DE CONSERVATION À consommer jusqu'au / N° de lot : voir ci-contre. À conserver entre 0°C et +4°C. À consommer rapidement après ouverture. Ce produit provient d'une pêcherie qui a répondu au référentiel environnemental du MSC pour une pêche durable et bien gérée. www.msc.org/fr POIDS NET : 200 g FR 85.051.005 CE SERVICE CLIENTS MONOPRIX www.monoprix.fr	ĐÁNH BẮT BỀN VỮNG MONOPRIX MẺ LƯỚI GIÀU PROTEIN THANH CUA SỢI VỚI THỊT CÁ THÀNH P HẦN Thịt ***cá*** 38% - nước – tinh bột (có chứa ***lúa mì***) – ***sữa*** tách béo hoàn nguyên – dầu hạt cải – đường – muối – hương liệu tự nhiên (có chứa ***động vật giáp xác, cá, động vật thân mềm***) - protein ***sữa*** – phẩm màu: chiết xuất paprika Thành phần ***in đậm*** dành cho những người không dung nạp hoặc dị ứng. ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN Hạn sử dụng/Số lô: xem bên cạnh. Bảo quản ở nhiệt độ từ 0°C đến +4°C. Tiêu thụ nhanh chóng sau khi mở. Sản phẩm này được làm từ việc đánh bắt đáp ứng tiêu chuẩn môi trường của MSC về đánh bắt bền vững và được quản lý tốt. www.msc.org/fr KHỐI LƯỢNG TỊNH: 200 g DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG MONOPRIX www.monoprix.fr

INFORMATIONS NUTRITIONNELLES MOYENNES

	pour 1 portion de 50 g	pour 100 g
Energie	248 kJ 59 kcal	495 kJ 118 kcal
Matières grasses dont acides gras saturés	2,1 g 0,2 g	4,2 g 0,4 g
Glucides dont sucres	6,5 g 1,4 g	13 g 2,8 g
Fibres	0 g	0 g
Protéines	3,5 g	7,0 g
Sel	0,85 g	1,7 g

Ce sachet contient 4 portions

À consommer jusqu'au / N° de lot :

DLC

0 800 08 4000 Service & appel gratuits

Distribué par MONOPRIX EXPLOITATION 92116 Clichy Cedex

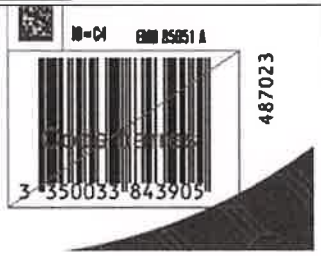

TÌM HIỂU THÊM
THÔNG TIN VÀ SẢN PHẨM
TRÊN MONOPRIX.FR

THÔNG TIN DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH	Mỗi 1 phần 50 g	Mỗi 100 g
Năng lượng	248 kJ 59 kcal	495 kJ 118 kcal
Chất béo trong đó chất béo bão hoà	2,1 g 0,2 g	4,2 g 0,4 g
Carbohydrate trong đó đường	6,5 g 1,4 g	13 g 2,8 g
Chất xơ	0 g	0 g
Protein	3,5 g	7,0 g
Muối	0,85 g	1,7 g

Sản phẩm này chứa khoảng 4 phần.

Hạn sử dụng/ Số lô:

0 800 08 4000 Dịch vụ và cuộc gọi miễn phí
Phân phối bởi **MONOPRIX EXPLOITATION**
92116 Clichy Cedex

ID=C4 EMB 85051 A
487023
3 350033 843905

Tôi, **Đinh Nguyễn Thị Sương**, Căn cước công dân số 054191009351, cam đoan đã dịch chính xác nội dung giấy tờ/văn bản này từ tiếng Pháp sang tiếng Việt.

Ngày 03 tháng 03 năm 2021

Người dịch

Đinh Nguyễn Thị Sương

Ngày 03 tháng 03 năm 2021
(Bằng chữ: Ngày ……ba…… tháng …ba…
Năm hai nghìn không trăm hai mươi ba)

Tại Ủy Ban Nhân Dân Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Tôi, Trần Ngọc Thảo

Là Phó Trưởng phòng Tư pháp

CHỨNG THỰC:

Bà **Đinh Nguyễn Thị Sương** là người đã ký vào bản dịch này ~~trước mặt tôi~~.

Số chứng thực: 031548
Quyển số: 01- SCT/CKND
Ngày 03 tháng 03 năm 2021

Phó Trưởng Phòng Tư Pháp Quận Phú Nhuận

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG TƯ PHÁP
Q. PHÚ NHUẬN - T.P HỒ CHÍ MINH

Trần Ngọc Thảo

TSL

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

ilac-MRA
AOSC VLAT 1.0322
ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230200396-1

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 08/02/2023
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 08/02/2023
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 14/02/2023
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **THANH CUA SỢI - MPX**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong túi nhựa
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230200396-1

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
2	LS	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
3	LS	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
4	LS	Methyl thủy ngân (**) / Methyl mercury (**)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.04	EU JRC method (JRC80259)
5	LS	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	$2.5x10^3$	CFU/g	-	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
6	LS	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)
7	LS	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	MPN/g	0	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)
8	LS	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 975.55
9	LS	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
10	LS	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
11	LS	Vibrio parahaemolyticus (*) / Vibrio parahaemolyticus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	NMKL 156:1997
12	LS	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	Ref. TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)

Chú thích/ *Remarks*:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT TECHNICAL MANAGER	GIÁM ĐỐC DIRECTOR
NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN	ĐOÀN HỮU LƯỢNG

M.S.D.N: 0314212615 - C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*